

§5. TRƯỜNG HỢP ĐỒNG DẠNG THỨ NHẤT

A. Mục tiêu: Qua bài học này, học sinh cần nắm:

- HS nắm chắc định lý về trường hợp thứ nhất để hai tam giác đồng dạng (c-c-c). Đồng thời nắm được hai bước cơ bản thường dùng trong lý thuyết để chứng minh hai tam giác đồng dạng: Dựng $\triangle AMN$ đồng dạng với $\triangle ABC$. Chứng minh $\triangle AMN = \triangle A'B'C'$ suy ra $\triangle ABC$ đồng dạng với $\triangle A'B'C'$.

- Vận dụng được định lý về hai tam giác đồng dạng để nhận biết hai tam giác đồng dạng.

- Rèn kỹ năng vận dụng các định lý đã học trong chứng minh hình học, kỹ năng viết đúng các đỉnh tương ứng của hai tam giác đồng dạng.

B. Chuẩn bị của GV và HS:

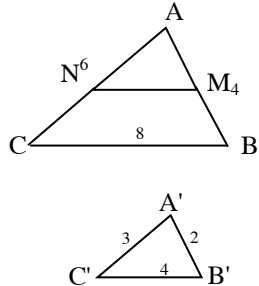
- **HS:** Xem bài cũ về định nghĩa hai tam giác đồng dạng, định lý cơ bản về hai tam giác đồng dạng, thước đo, compa, thước đo góc.

- **GV:** Tranh vẽ sẵn hình 32 SGK

C. Các bước lên lớp:

I. Ổn định lớp: KTSS (1 phút)

II. Nội dung:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Ghi bảng						
Hoạt động 1: (Kiểm tra bài cũ, phát hiện vấn đề mới) HS làm bài tập ?I ở SGK GV: Thu và chấm một số bài. Sau đó, GV chiếu (hay treo tranh vẽ sẵn bài tập này, khái quát cách giải, đặt vấn đề tổng quát, giới thiệu bài mới. Để chứng minh định lý quy trình làm sẽ như thế nào? Hướng dẫn để HS làm việc theo nhóm. GV: Như đã nói ở trên, có thể cho HS xem một file soạn sẵn, dùng chức năng creat newtool để tạo ra các tam giác đồng dạng, đo các cạnh, tính tỉ số, so sánh tỉ số, đo các góc, so sánh các góc, kết luận? Hoạt động 2: Định lý ?HS Đọc nội dung định lý, ghi giả thiết, kết luận. GV Hướng dẫn cách chứng minh định lý (yêu cầu học sinh về nghiên cứu	Hoạt động 1: Tất cả HS đều làm trên phiếu học tập. Cần nêu được các ý sau: * $AN = \frac{1}{2} AC = 3\text{cm}$ * $AM = \frac{1}{2} AB = 2\text{cm}$ * N, M nằm giữa AC, AB (theo gt) * Suy ra $NM = \frac{BC}{2} = 4\text{cm}$ (đl ĐBT hay Talet) và $NM \parallel BC$ * ΔAMN đồng dạng với ΔABC và $\Delta AMN = \Delta A'B'C'$. Hoạt động 2: Định lý HS Đọc nội dung định lý, vẽ hình, ghi GT, KL	?1  Tiết 44: TRƯỜNG HỢP ĐỒNG DẠNG THỨ NHẤT I. Định lý: (SGK) <table><tr><td>GT</td><td>ΔABC và $\Delta A'B'C'$</td></tr><tr><td></td><td>$\frac{A'B'}{AB} = \frac{A'C'}{AC} = \frac{B'C'}{BC}$</td></tr><tr><td>KL</td><td>$\Delta ABC \sim \Delta A'B'C'$</td></tr></table>	GT	ΔABC và $\Delta A'B'C'$		$\frac{A'B'}{AB} = \frac{A'C'}{AC} = \frac{B'C'}{BC}$	KL	$\Delta ABC \sim \Delta A'B'C'$
GT	ΔABC và $\Delta A'B'C'$							
	$\frac{A'B'}{AB} = \frac{A'C'}{AC} = \frac{B'C'}{BC}$							
KL	$\Delta ABC \sim \Delta A'B'C'$							

thêm trong sgk) Hoạt động 3: (Tập vận dụng định lý) Yêu cầu HS là vào phiếu học tập bài tập ?2 hình 34 SGK, GV có thể vẽ sẵn trên bảng phụ (hay trên một film trong và dùng đèn chiếu). Hoạt động 4: (Củng cố) GV: $\triangle ABC$ vuông ở A, có $AB = 6\text{cm}$, $AC = 8\text{cm}$ và $\triangle A'B'C'$ vuông ở A', có $A'B' = 9\text{cm}$, $B'C' = 15\text{cm}$. Hai tam giác vuông ABC và $A'B'C'$ có đồng dạng với nhau không? Vì sao? GV: Đặt câu hỏi cho HS trả lời và GV ghi bảng. Bài tập về nhà: * Bài tập 30: Hướng dẫn: $\frac{a}{b} = \frac{c}{d} = \frac{e}{f} = \frac{a+c+e}{b+d+f}$ * Bài tập 31: Hướng dẫn: Tương tự trên, sử dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau.	Hoạt động 3: HS làm bài trên phiếu học tập $\frac{DF}{AB} = \frac{DE}{AC} = \frac{EF}{BC}$ $\left(\text{do } \frac{2}{4} = \frac{3}{6} = \frac{4}{8} \right)$ suy ra $\triangle DFE$ đồng dạng với $\triangle ABC$. Hoạt động 4: HS làm trên giấy nháp, trả lời miệng: * Tính được $BC = 10\text{cm}$ (Đlí Pitago) * Tính được $A'C' = 12\text{cm}$ (Đlí Pitago). * So sánh: $\frac{AB}{A'B'} = \frac{AC}{A'C'} = \frac{BC}{B'C'} = \frac{2}{3}$ * Kết luận: Hai tam giác vuông ABC và $A'B'C'$ đồng dạng.	II. Bài tập áp dụng 1. Bài tập ?2 (SGK) 2. Bài tập: Áp dụng định lý Pitago cho $\triangle ABC$ có: $BC^2 = AB^2 + AC^2$ $= 6^2 + 8^2 = 10^2$ $BC = 10\text{cm}$. Áp dụng định lý Pitago cho $\triangle A'B'C'$ có: $A'C'^2 = B'C'^2 - A'B'^2$ $= 15^2 - 9^2 = 12^2$ $AC = 12\text{cm}$. Ta có: $\frac{AB}{A'B'} = \frac{AC}{A'C'} = \frac{BC}{B'C'} = \frac{2}{3}$ Vậy $\triangle ABC$ đồng dạng với $\triangle A'B'C'$.
--	--	---

IV. RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....